

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2022/DS-PT  
Ngày: 21-01-2022  
“V/v tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Cảnh.

*Các Thẩm phán:*

1. Bà Trịnh Thị Phúc.

2. Ông Nguyễn Văn Phương.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Yến Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Ông Lê Ngọc Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2021/TLPT-DS ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 25/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Y bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 228/2021/QĐ-PT ngày 25 tháng 11 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 230/2021/QĐ-PT ngày 10/12/2021, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Võ Thị A, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp Gò Gòn, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

**Bị đơn:**

1. Ông Trần Quốc B, sinh năm 1990.

2. Bà Ngô Thị Khánh C, sinh năm 1993.

Cùng địa chỉ: Ấp Gò Pháo, xã Hưng Điền B, huyện Y, Long An.

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Quốc B: Ông Nguyễn Phước D, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Khóm 3, thị trấn V, huyện M, tỉnh Đồng Tháp.

**Người làm chứng:** Ông Dương Văn E, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Ấp Gò Pháo, xã Hưng Điền B, huyện Y, tỉnh Long An.

**Người kháng cáo:** Ông Trần Quốc B và bà Ngô Thị Khánh C.

(Ông D, bà A có mặt tại phiên tòa, bà C, ông E vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 07/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Võ Thị A trình bày:*

Vào ngày 10/6/2019, vợ chồng ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C có đến hỏi vay của bà số tiền 700.000.000 đồng (bà đưa tiền mặt 01 lần tại nhà ông B, bà C), thỏa thuận lãi suất 3%/tháng. Khi vay ông B, bà C có ký tên biên nhận nhận tiền đưa bà giữ và hẹn 02 tháng sau sẽ trả gốc và lãi nhưng từ khi vay đến nay ông B, bà C chưa trả cho bà được số tiền nào.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C phải liên trả cho bà số tiền gốc là 700.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,65% tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày xét xử nhưng tại phiên tòa bà A thay đổi yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng; lãi suất chậm trả khi bà có đơn yêu cầu thi hành án.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Phước D là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Quốc B vắng mặt nhưng trong bản tự khai ngày 26/3/2021 và biên bản ghi lời khai ngày 09/4/2021 ông D trình bày:*

Vào năm 2019, vợ chồng ông B, bà C có hỏi vay của bà A số tiền 250.000.000 đồng (vay 03 lần: 02 lần 100.000.000 đồng và 01 lần 50.000.000 đồng). Sau đó ông B có đưa cho ông Dương Văn E số tiền 200.000.000 đồng để trả cho bà A. Biên nhận số tiền mà bà A cung cấp là chữ ký của ông B, bà C nhưng tại thời điểm ký tên, ông B và bà C chỉ ký vào biên nhận chưa có nội dung, sau này bà A viết nội dung và số tiền vay vào, việc này ông không có chứng cứ gì chứng minh. Nay bà A khởi kiện yêu cầu ông B, bà C phải liên đới trả số tiền nợ vay gốc là 700.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1,65% tính từ ngày 10/6/2019 đến ngày xét xử thì ông không đồng ý. Ông B, bà C chỉ đồng ý liên đới trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 10/6/2019 đến nay theo quy định pháp luật.

*Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Ngô Thị Khánh C vắng mặt nhưng trong bản tự khai ngày 26/3/2021 bà C trình bày:* Vào năm 2019, vợ chồng bà có vay của bà A số tiền 250.000.000 đồng, sau đó có gửi ông E trả cho bà A số tiền 200.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ số tiền 50.000.000 đồng. Nay bà chỉ đồng ý liên đới với ông B trả cho bà A số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất kể từ ngày 10/6/2019 đến nay theo quy định pháp luật.

*Người làm chứng ông Dương Văn E vắng mặt nhưng trong biên bản ghi lời khai ngày 19/4/2021 ông E trình bày:* Ông không có nhận số tiền nào của ông B, bà C đưa để trả cho bà A. Việc vay tiền giữa bà A với ông B, bà C, ông không biết và không liên quan, nay ông xin giải quyết vắng mặt.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y đã căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị

quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Võ Thị A đối với ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị A tổng số tiền 842.345.000 đồng (trong đó tiền vay gốc 700.000.000 đồng + lãi suất số tiền 142.345.000 đồng = 842.345.000 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C phải liên đới chịu 37.270.000 đồng (làm tròn số) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Võ Thị A không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà A 19.775.000 đồng tiền đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0005793 ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền, nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

- Ngày 29/7/2021, ông Trần Quốc B và bà Ngô Thị Khánh C kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với lý do Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông, bà trả cho bà Võ Thị A số tiền 842.345.000 đồng làm thiệt hại đến quyền lợi của ông, bà vì vợ chồng ông bà cho còn nợ bà A số tiền 50.000.000 đồng và lãi suất phát sinh. Vì vậy, ông, bà yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị A.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên không thỏa thuận được với nhau, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn không rút yêu cầu kháng cáo và các đương sự tranh luận thống nhất với nhau các vấn đề như sau:

- Chữ ký trên Biên nhận ngày 10/6/2019 là của ông Trần Quốc B và bà Ngô Thị Khánh C.

- Bà Võ Thị A thừa nhận tiếng nói của bà trong đoạn ghi âm có nội dung như Bản trích lược ngày 19/01/2022 do ông Nguyễn Phước D cung cấp và được công khai tại phiên tòa. Từ đó, bà A thừa nhận có nhận của ông B, bà C số tiền 200.000.000 đồng.

- Ông D và bà A thống nhất ngày nhận số tiền 200.000.000 đồng là ngày 09/02/2021; đồng thời yêu cầu Tòa án khấu trừ vào khoản tiền mà ông B, bà C còn thiếu bà A.

Các bên không thống nhất nội dung sau:

- Ông Nguyễn Phước D tranh luận: Với nội dung thống nhất như trên, ông yêu cầu trừ 200.000.000 đồng vào khoản tiền gốc mà ông B, bà C còn nợ bà A.

- Bà Võ Thị A tranh luận: Yêu cầu Hội đồng xét xử trừ số tiền 200.000.000 đồng vào số tiền lãi mà ông B, bà C còn nợ bà số tiền 700.000.000 đồng, vì ông B, bà C còn nợ tiền lãi thì không thể trừ vào gốc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

- Về pháp luật tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung kháng cáo:

Căn cứ vào biên nhận nợ ngày 10/6/2019, ông B, bà C có vay của bà A số tiền 700.000.000 đồng. Ông B, bà C cũng thừa nhận chữ ký trong biên nhận ghi ngày 10/6/2019 là của ông B, bà C. Ông B, bà C cho rằng đã trả 200.000.000 đồng cho bà A. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D đại diện cho ông B cung cấp trích xuất cuộc ghi âm thì bà A thừa nhận là giọng nói của bà A và thừa nhận có việc ông B đã trả cho bà A số tiền 200.000.000 đồng là tiền lãi. Do bà A cho ông B, bà C vay với lãi suất 3%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên điều chỉnh lại mức lãi suất 0,83%/tháng theo yêu cầu của bà A đối với số tiền lãi 200.000.000 đồng, số tiền lãi dư còn lại được trừ vào số tiền gốc.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

[1.1] Bị đơn ông Trần Quốc B và bà Ngô Thị Khánh C kháng cáo hợp lệ, đúng thủ tục tố tụng nên được chấp nhận xem xét lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Ông Dương Văn E đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bà Ngô Thị Khánh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông E và bà C.

#### **[2] Về nội dung tranh chấp:**

[2.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều thừa nhận chữ ký trên Biên nhận ngày 10/6/2019 là của ông Trần Quốc B và bà Ngô Thị Khánh C. Bên cạnh đó, tại phiên tòa phúc thẩm bà Võ Thị A thừa nhận tiếng nói của bà trong đoạn ghi âm có nội dung như Bản trích lược ngày 19/01/2022 do ông Nguyễn Phước D cung cấp và được công khai tại phiên tòa với việc có có nhận của ông B, bà C số tiền 200.000.000 đồng; ông D và bà A thống nhất ngày nhận số tiền 200.000.000 đồng là ngày 09/02/2021; đồng thời hai bên đương sự cùng thống nhất yêu cầu Tòa án khấu trừ vào khoản tiền mà ông B, bà C còn thiếu bà A. Đây là những

tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Nội dung Biên nhận ngày 10/6/2019 thể hiện ông B, bà C “*có mượn tiền của chị Võ Thị Quý số tiền 700.000.000đ*” nhưng ông B, bà C cho rằng “*số tiền 700.000.000đ*” là do bà A tự ghi vào vì khi ký tên vào biên nhận thì biên nhận không có nội dung. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, phía bị đơn không xuất trình được tài liệu chứng cứ để chứng minh về việc khi ký tên biên nhận không có nội dung và bà A tự ghi nội dung biên nhận. Vì vậy, có cơ sở khẳng định, ông B, bà C nợ bà A có tiền 700.000.000 đồng từ tháng 6/2019 đến nay.

[2.3] Bà A đã nhận của ông B, bà C số tiền 200.000.000 đồng vào tháng 02/2021 như sự thống nhất ở trên nên tính tiền lãi của số tiền gốc 700.000.000 đồng từ tháng 6/2019 đến tháng 02/2021, sau đó khấu trừ vào số tiền 200.000.000 đồng, còn lại sẽ trừ vào gốc như sau:

+ Từ tháng tháng 6/2019 đến tháng 02/2021 là 20 tháng, tiền lãi theo yêu cầu của bà A là 0,83%/tháng (thấp hơn quy định là 20%/năm tức là 1,67%/tháng):  $700.000.000 \text{ đồng} \times 20 \text{ tháng} \times 0,83\%/\text{tháng} = 116.200.000 \text{ đồng}$ .

+ Khấu trừ số tiền 200.000.000 đồng:  $200.000.000 \text{ đồng} - 116.200.000 \text{ đồng} = 83.800.000 \text{ đồng}$ .

+ Trừ vào gốc khoản tiền vượt quá tiền lãi (83.800.000 đồng):  $700.000.000 \text{ đồng} - 83.800.000 \text{ đồng} = 616.200.000 \text{ đồng}$ .

+ Lãi suất từ tháng 02/2021 đến nay:  $616.200.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 11 \text{ tháng} = 56.259.060 \text{ đồng}$ .

Tổng cộng, ông B, bà C còn phải trả cho bà A là 616.200.000 đồng + 56.259.060 đồng = 672.459.060 đồng (sáu trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

Từ đó thấy rằng kháng cáo của ông Trần Quốc B và bà Ngô Thị Khánh C có cơ sở chấp nhận một phần; lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận, cần cải sửa một phần bản án sơ thẩm.

[2.4] Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, Tòa án đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/11/2021 để “Phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ” theo quy định tại khoản 11 Điều 114 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đối với thửa đất số 924, tờ bản đồ số 6 và các thửa 1911, 1912, 223, 229, tờ bản đồ số 7, có tổng diện tích 21.171,1m<sup>2</sup>, loại đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Hưng Điền B, huyện Y, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Trần Quốc B đứng tên nhằm đảm bảo thi hành án cho nguyên đơn là hoàn toàn phù hợp như nhận định ở trên. Vì vậy cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2021/QĐ-BPKCTT nêu trên đến khi thi hành án xong.

[3] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm và điều chỉnh lại án phí sơ thẩm để buộc các

đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 2 Điều 308, Điều 293, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Quốc B và bà Ngô Thị Khánh C.

Cải sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 06/2021/DS-ST ngày 25-6-2021 của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 148, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 280, 357, 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị A đối với ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Buộc ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Võ Thị A tổng số tiền 672.459.060 đồng (sáu trăm bảy mươi hai triệu, bốn trăm năm mươi chín nghìn, không trăm sáu mươi đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị A đối với ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C với số tiền 169.885.940 đồng (một trăm sáu mươi chín triệu, tám trăm tám mươi lăm nghìn, chín trăm bốn mươi đồng).

[3] Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2021/QĐ-BPKCTT ngày 01/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An cho đến khi bị thay đổi, hủy bỏ theo quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm:

[4.1] Buộc ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C phải liên đới chịu 30.898.362 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Buộc bà Võ Thị A phải chịu 8.494.297 đồng nhưng được khấu trừ số tiền 19.775.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà A đã tạm nộp theo biên lai thu số 0005793 ngày 20/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An. Hoàn lại cho bà A số tiền 11.280.703 đồng.

[5] Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.

Hoàn trả lại cho ông Trần Quốc B, bà Ngô Thị Khánh C 600.000 đồng mà ông B, bà C đã nộp theo biên lai thu số 0005938, số 0005939 cùng ngày 17/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Long An.

[6] Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND cấp huyện;
- Chi cục THADS cấp huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Văn Cảnh**